

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2026/HS-ST
Ngày 10-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo: Thái Minh Đ, sinh ngày 22/5/1989 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Số D N, phường P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái H1 và bà Trần Nguyệt H2; có vợ Trần Thị Kim N và 04 con (trong đó có 01 con nuôi), lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2025 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Thái Minh Q, sinh ngày 24/9/1993.

Nơi cư trú: Số A N, phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà Trần Thị Kim N, sinh ngày 10/6/1990.

Nơi cư trú: Số D N, phường P, thành phố Cần Thơ

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Trương T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Số B N, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Đặng Quốc N1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Huỳnh Đức H3, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp R, xã P, tỉnh Vĩnh Long (ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cũ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ông Lâm Hoàng D, sinh ngày 29/12/1990.

Nơi cư trú: Số D ấp T, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/12/2023, Đoàn kiểm tra Công an tỉnh S tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có địa chỉ trụ sở chính tại Lô I, Khu công nghiệp A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và Chi nhánh Công ty C có địa chỉ tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ). Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra phát hiện trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C có đống, chứa lượng lớn chất thải rắn gồm: Vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ trái sầu riêng, vỏ và ruột trái bí đao, toàn bộ chất thải rắn này được đổ trực tiếp lên bề mặt đất không có sử dụng dụng cụ lót đáy. Kết quả cân đã xác định tổng khối lượng chất thải rắn đổ trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C là 803.232kg.

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu giữ 05 mẫu chất thải rắn tại khu vực đổ thải trong khuôn viên Chi nhánh công ty C, được ký hiệu: CTRMĐ-1, CTRMĐ-2, CTRMĐ-3, CTRMĐ-4, CTRMĐ-5. Từ kết quả kiểm tra nêu trên, Công an tỉnh S ban hành Kết luận kiểm tra số 01/KLKT ngày 12/01/2024, kết luận “Hành vi đổ chất thải rắn thông thường không đúng quy định của công ty C có dấu hiệu tội phạm “Gây ô nhiễm môi trường”, nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng (cũ) để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra xác định được, Công ty C đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 14/5/2018 là loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn với 02 thành viên gồm Thái Minh Đ là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc và Thái Minh Q là thành viên. Đến ngày 04/02/2021, Chi nhánh công ty C được thành lập và do Thái Minh Q là người đứng đầu; trụ sở đặt tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay

là xã T, thành phố Cần Thơ). Quá trình hoạt động, Đ trực tiếp điều hành tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty C, phân công, chỉ đạo công việc thông qua Nguyễn Trương T là quản lý phân xưởng sản xuất của Công ty C.

Từ cuối năm 2021, đầu năm 2022, nhận thấy quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty C phát sinh vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ, ruột trái bí đao và Công ty trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi tắt là Công ty X) do Trần Thị Kim N làm giám đốc (N là vợ của Thái Minh Đ) phát sinh vỏ trái sầu riêng, có thể tái chế bằng cách ủ làm giá thể hữu cơ để phục vụ tiếp tục quá trình sản xuất của Công ty C thông qua các mô hình trồng trọt như trồng bí đao, trồng đậu xanh... Đ đã chỉ đạo cho Nguyễn Trương T là nhân viên của Công ty C thu gom từ xưởng sản xuất của Công ty C là vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ và ruột trái bí đao và Công ty X là vỏ trái sầu riêng, sử dụng xe tải để vận chuyển, tập kết vào bãi đất trống trong khuôn viên của Chi nhánh Công ty C. Từ đó, T đã điều động Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D, Đặng Quốc N1 là tài xế lái xe của Công ty C điều khiển các xe ô tô tải biển số 83C-9245 và 83C-084.30 thuộc sở hữu của Công ty C tiến hành thu gom, vận chuyển và đổ các chất thải nêu trên vào bãi đất trống bên trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số: 01/QTMN-GĐTP ngày 30/10/2024 của Trung tâm quan trắc môi trường miền N thuộc Cục K1, Bộ T2 và Văn bản số: 01/QTMT-QT&CB ngày 06/01/2025 của Trung tâm quan trắc môi trường miền N thuộc Cục K1, Bộ T2 về trao đổi, giải thích, làm rõ nội dung kết luận giám định, kết luận: 03 (ba) mẫu được ký hiệu ST-CTR-01, ST-CTR-02 và ST-CTR-03 được thu tại khuôn viên Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn C vào ngày 06/9/2024 gửi giám định là: *Chất thải rắn thông thường* do có giá trị trung bình của 03 (ba) kết quả phân tích đối với từng thông số không có giá trị của thông số nào đồng thời vượt ngưỡng giá trị hàm lượng tuyệt đối (H) và giá trị nồng độ ngấm chiết (Ctc) theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT. Các thông số phân tích không có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT.

Về vật chứng trong vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm thu giữ: 803.232kg chất thải rắn, có chủng loại hỗn hợp gồm vỏ trứng vịt, vỏ ruột bí đao, tro dùng để muối trứng và vỏ sầu riêng, đã trộn lẫn, hoai (oai), mục của Công ty C và giao vật chứng trên cho Công ty C quản lý; 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB được đựng trong gói niêm phong có đóng dấu giáp lai của Phòng K2 và chữ ký xác nhận của giám định viên Ngô Quốc H4, Mã Minh T1 trợ lý giám định và Hồng Thanh Vũ K đại diện đoàn kiểm tra, vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C chuyển cho Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) quản lý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSKV6 ngày 24/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Thái Minh Đ về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có giấy phép đổ chất thải rắn vào môi trường nhưng bị cáo đã có hành vi đổ chất thải rắn vào môi trường, cụ thể là đổ vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ, ruột trái bí đao và vỏ trái sầu riêng trên thửa đất số 562, tờ bản đồ số 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ với tổng khối lượng chất thải rắn là 803.232kg. Qua kết luận giám định tư pháp của Trung tâm Q1 thuộc Cục K1, Bộ T2 xác định chất thải trên là chất thải rắn thông thường. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy đối với khối lượng chất thải rắn là 803.232kg và 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB được đựng trong gói niêm phong.

Đối với Thái Minh Q là giám đốc Chi nhánh Công ty C. Tuy nhiên, Q không trực tiếp chỉ đạo, điều hành mà do bị cáo Đ trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động đổ các chất thải ra môi trường nên hành vi của Q không cấu thành tội phạm.

Đối với Trần Thị Kim N là giám đốc Công ty X, không biết việc bị cáo Đ chỉ đạo nhân viên đi thu gom tập kết đổ chất thải nêu trên của Công ty X về để làm gì và bị cáo không có bàn bạc gì với N nên hành vi của N không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Trương T, Đặng Quốc N1, Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D là những người làm công ăn lương, được Thái Minh Đ chỉ đạo đổ chất thải nên đã thực hiện, những người này không biết việc bị cáo chỉ đạo đổ chất thải không có giấy phép nên không có căn cứ để xử lý với vai trò đồng phạm với bị cáo.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo xin mức phạt thấp nhất vì tình hình kinh tế khó khăn, hiện nay bị cáo làm ăn cũng không được tốt lắm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thái Minh Q không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Sau sự việc này, đây là vết nhơ, xấu xí của doanh nghiệp. Bị cáo cảm ơn Cơ quan Công an cho bị cáo khôn thêm một chút, học một bài học kinh nghiệm để nâng tầm doanh nghiệp lên tầm cao mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C), Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C), Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C), Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định ông Nguyễn Trương T, ông Đặng Quốc N1, ông Huỳnh Đức H3, ông Lâm Hoàng D là những người làm chứng trong vụ án là chưa đúng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy các ông Nguyễn Trương T, ông Đặng Quốc N1, ông Huỳnh Đức H3, ông Lâm Hoàng D là những người thực hiện hành vi thu gom, đổ chất thải theo sự chỉ đạo của bị cáo nên xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Trương T, ông Đặng Quốc N1, ông Huỳnh Đức H3, ông Lâm Hoàng D là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị Kim N, Nguyễn Trương T, Đặng Quốc N1, Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Thái Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn

phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có địa chỉ trụ sở chính tại Lô I, Khu công nghiệp A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (cũ) đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 14/5/2018 là loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn với 02 thành viên gồm Thái Minh Đ là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc và Thái Minh Q là thành viên. Đến ngày 04/02/2021, Chi nhánh công ty C được thành lập và do Thái Minh Q làm người đứng đầu; trụ sở đặt tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Quá trình hoạt động, Đ trực tiếp điều hành tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và chi nhánh, phân công, chỉ đạo công việc thông qua Nguyễn Trương T là quản lý phân xưởng sản xuất của Công ty C. Từ cuối năm 2021, đầu năm 2022, nhận thấy quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty C phát sinh vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ, ruột trái bí đao và Công ty trách nhiệm hữu hạn X do Trần Thị Kim N làm giám đốc (N là vợ của Thái Minh Đ) phát sinh vỏ trái sầu riêng. Bị cáo tự nghĩ có thể tái chế bằng cách ủ làm giá thể hữu cơ để phục vụ tiếp tục quá trình sản xuất của Công ty C thông qua các mô hình trồng trọt như trồng bí đao, trồng đậu xanh..., bị cáo đã chỉ đạo cho Nguyễn Trương T là nhân viên của Công ty C thu gom từ xưởng sản xuất của Công ty C là vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ và ruột trái bí đao và Công ty X là vỏ trái sầu riêng, sử dụng xe tải để vận chuyển, tập kết vào bãi đất trống trong khuôn viên của Chi nhánh Công ty C. Từ đó, T đã điều động Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D, Đặng Quốc N1 là tài xế lái xe của Công ty C điều khiển các xe ô tô tải biển số 83C-9245 và 83C-084.30 thuộc sở hữu của Công ty C tiến hành thu gom, vận chuyển và đổ các chất thải nêu trên vào bãi đất trống bên trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C.

[4] Đến ngày 14/12/2023, Đoàn kiểm tra Công an tỉnh S tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty C và Chi nhánh Công ty C. Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra phát hiện trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C có đồ chứa lượng lớn chất thải rắn gồm: Vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ trái sầu riêng, vỏ và ruột trái bí đao, toàn bộ chất thải rắn này được đổ trực tiếp lên bề mặt đất không có sử dụng dụng cụ lót đáy. Kết quả cân đã xác định tổng khối lượng chất thải rắn đổ trong khuôn viên Chi nhánh Công ty C là 803.232kg.

[5] Tại bản Kết luận giám định tư pháp số: 01/QTMN-GĐTP ngày 30/10/2024 của Trung tâm quan trắc môi trường miền N thuộc Cục K1, Bộ T2 và Văn bản số: 01/QTMT-QT&CB ngày 06/01/2025 của Trung tâm quan trắc môi trường miền N thuộc Cục K1, Bộ T2 về trao đổi, giải thích, làm rõ nội dung kết luận giám định, kết luận: 03 (ba) mẫu được ký hiệu ST-CTR-01, ST-CTR-02 và ST-CTR-03 được thu tại khuôn viên Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn C vào ngày 06/9/2024 gửi giám định là: *Chất thải rắn thông thường* do có giá trị trung bình của 03 (ba) kết quả phân tích đối với từng thông số không có giá trị của thông

số nào đồng thời vượt ngưỡng giá trị hàm lượng tuyệt đối (H) và giá trị nồng độ ngấm chiết (Ctc) theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT. Các thông số phân tích không có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT.

[6] Bị cáo không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đổ và chứa chất thải rắn thông thường để ủ làm giá thể hữu cơ (theo lời trình bày của bị cáo) nhưng bị cáo đã chỉ đạo nhân viên của bị cáo thu gom và đổ chất thải gồm: Vỏ trứng vịt muối, tro muối trứng, vỏ, ruột trái bí đao và vỏ trái sầu riêng trên thửa đất số 562, tờ bản đồ số 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ) với tổng khối lượng chất thải rắn thông thường là 803.232kg nên hành vi của bị cáo Thái Minh Đ đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Gây ô nhiễm môi trường” được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi đổ trực tiếp chất thải rắn thông thường vào đất của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm biến đổi tính chất vật lý, hóa học và sinh học của thành phần môi trường nên cần phải xử lý thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[8] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, bị cáo có nhiều người thân có công với nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về vật chứng của vụ án:

[10.1] Đối với chất thải rắn, có chủng loại hỗn hợp gồm: Vỏ trứng vịt, vỏ ruột bí đao, tro dùng để muối trứng và vỏ sầu riêng, đã trộn lẫn, hoai (oai), mục có tổng khối lượng là 803.232kg, vật chứng trên được Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho Công ty C tự bảo quản, quản lý theo biên bản làm việc ngày 17/12/2023 (bút lục 31), biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề lập ngày 17/12/2023 (bút lục 90 – 92) và quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 60/QĐ-TG ngày 18/12/2023 của Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ. Đây là vật không có giá trị nên căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB được đựng trong gói niêm phong, có đóng dấu giáp lai của Phòng K2 và chữ ký xác nhận của

giám định viên Ngô Quốc H4, Mã Minh T1 trợ lý giám định và Hồng Thanh Vũ K đại diện đoàn kiểm tra, vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C chuyển cho Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2025. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không yêu cầu nhận lại ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB; Hội đồng xét xử xét thấy, vật chứng trên có lưu giữ hình ảnh liên quan đến tội phạm và có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án nên cần phải được lưu theo hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định lưu giữ 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB theo hồ sơ vụ án. Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ có trách nhiệm bàn giao 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ để lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

[11.1] Đối với Thái Minh Q là giám đốc Chi nhánh Công ty C. Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thái Minh Q trình bày: Việc bị cáo Đ đổ chất thải vào khuôn viên Chi nhánh Công ty C đặt trụ sở thì bị cáo không có bàn bạc, trao đổi trước với Thái Minh Q. Sau khi cơ quan Công an kiểm tra và phát hiện chất thải được đổ tại Chi nhánh Công ty C thì Thái Minh Q mới biết. Do từ khi thành lập Chi nhánh Công ty C đến khi xảy ra sự việc bị Cơ quan Công an kiểm tra thì Q không có đến trụ sở Chi nhánh, vì mọi hoạt động của Chi nhánh đều do bị cáo Đ điều hành, do Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty C nên không đứng tên người đại diện của Chi nhánh được nên nhờ Q đứng tên người đại diện Chi nhánh dùm cho bị cáo Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đ cũng khẳng định việc bị cáo Đ đổ chất thải vào khuôn viên trụ sở Chi nhánh Công ty C là do bị cáo tự nghĩ ra việc ủ các chất thải làm giá thể hữu cơ để trồng cây phục vụ cho Công ty C, không có bàn bạc với Thái Minh Q và cũng không có họp Hội đồng thành viên với Thái Minh Q để quyết định chủ trương đổ chất thải tại Chi nhánh Công ty C để ủ làm giá thể hữu cơ, bị cáo Đ là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thu gom đổ chất thải tại khuôn viên trụ sở Chi nhánh Công ty C. Do đó, không có đủ cơ sở để xác định Thái Minh Q là đồng phạm với bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm hình sự của Thái Minh Q.

[11.2] Đối với Trần Thị Kim N là giám đốc Công ty X, việc bị cáo xin chất thải là vỏ sấu riêng của Công ty X do Trần Thị Kim N là người đại diện theo pháp luật để ủ làm chất hữu cơ phục vụ cho việc trồng trọt của Công ty C thì Trần Thị Kim N không biết bị cáo Đ không có giấy phép được thu gom chất thải vỏ trái sấu riêng để ủ làm giá thể hữu cơ nên không có đủ cơ sở để xác định Trần Thị Kim N là đồng phạm với bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm hình sự của Trần Thị Kim N.

[11.3] Đối với Nguyễn Trương T, Đặng Quốc N1, Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D là những người làm công ăn lương cho Công ty C do bị cáo là người đại diện theo pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên được Thái Minh Đ chỉ đạo thu gom, đổ chất thải nên đã thực hiện, những người này không biết việc bị cáo chỉ đạo đổ chất thải không có giấy phép nên không có đủ cơ sở để xác

định những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là đồng phạm với bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Trương T, Đặng Quốc N1, Huỳnh Đức H3, Lâm Hoàng D.

[12] Đối với các phương tiện vận chuyển chất thải là xe ô tô tải biển số 83C-9245 và 83C-084.30, các xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu của Công ty C, Hội đồng xét xử xét thấy, việc thu gom, vận chuyển chất thải là do ý chí, chủ trương của riêng bị cáo Đ, không phải chủ trương của Công ty C nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý đối với các xe ô tô tải biển số 83C-9245 và 83C-084.30.

[13] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Thái Minh Đ là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Thái Minh Đ phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

Căn cứ vào: điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Thái Minh Đ số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

2. Về vật chứng:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy đối với chất thải rắn, có chủng loại hỗn hợp gồm: Vỏ trứng vịt, vỏ ruột bí đao, tro dùng để muối trứng và vỏ sầu riêng, đã trộn lẫn, hoai, mục có tổng khối lượng là 803.232kg, vật chứng trên được Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho Công ty C tự bảo quản, quản lý theo biên bản làm việc ngày 17/12/2023 (bút lục 31), biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề lập ngày 17/12/2023 (bút lục 90 – 92) và quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 60/QĐ-TG ngày 18/12/2023 của Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ.

2.2. Lưu giữ 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB được đựng trong gói niêm phong, có đóng dấu giáp lai của Phòng K2 và chữ ký xác nhận của giám định viên Ngô Quốc H4, Mã Minh T1 trợ lý giám định và Hồng Thanh Vũ K đại diện đoàn kiểm tra, vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C chuyển cho Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2025. Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ có trách nhiệm bàn giao 01 (một) ổ cứng HDD nhãn hiệu Seagate, 6TB cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ để lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Thái Minh Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS khu vực 6, thành phố Cần Thơ;
- CAND thành phố Cần Thơ (CQTHAHS, CQCSĐT);
- Phòng HSNV Công an thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GD, KT, TT & THA);
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn